

## ĐỀ GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT CẦN CHỌN GIỌNG CHUẨN NHƯ THỂ NÀO TRÊN ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH\*

NGUYỄN ĐỨC TÒN\*\*

**Abstract:** "The clarity of the Vietnamese language" involves the standard system of pronunciation, word usages, sentence composition and styles. Standards are subjective assessments of language uses based on certain criteria of the native speech community. Therefore, the natural voice of the language community which is considered typical of each dialect (Northern, Central and Southern dialect), is the standard Vietnamese voice of the region using that dialect. The standard voice of the Vietnamese language - the national language - is the standard voice of a super dialect that coincides with the standard spelling of Vietnamese..

When programmes on the Voice of Vietnam (VOV) or Vietnam Television (VTV) have to use the standard Vietnamese as the national language, broadcasters should follow the standard pronunciation of Vietnamese as the national language.

As for other programmes on VOV or VTV or on local radios and televisions, local standard pronunciation is accepted, for example the standard pronunciation of Hanoi dialect, standard pronunciation of Vinh dialect or standard pronunciation of Ho Chi Minh City dialect.

**Key words:** *Standard Vietnamese, clarity of Vietnamese, standard voice on radio and television.*

1. Đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, trước hết, cần hiểu rõ khái niệm nòng cốt "sự trong sáng của tiếng Việt" là gì? Rồi sau đó mới có thể giải quyết vấn đề được đặt ra trong nhan đề của bài viết này.

Theo quan niệm của chúng tôi về sự phân biệt hai phạm trù "nhận thức" và "bản thể" [7] thì "sự trong sáng của tiếng Việt" là phẩm chất vốn có của bản thể - tức tiếng Việt, chứ không phải là phẩm chất thuộc về nhận thức, nghĩa là do nhận thức mà có được rồi áp đặt cho tiếng Việt. Tuy nhiên, để giữ gìn được sự trong sáng của tiếng Việt thì cần phải có sự nhận thức của chủ thể sử dụng ngôn ngữ về sự biểu hiện cụ thể của sự trong sáng ấy là như thế nào để tuân thủ trong việc sử dụng tiếng nói dân tộc.

\* Bài tham dự Hội thảo *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trên các phương tiện thông tin đại chúng*, Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2016.

\*\* Viện Ngôn ngữ học.

Tại Hội nghị *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt* được tổ chức tại Hà Nội vào những ngày đầu tháng 2 năm 1966, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã phát biểu: “Trong có nghĩa là trong trẻo, không có tạp chất, không đục. Sáng có nghĩa là sáng tỏ, sáng chiếu, sáng chói, nó phát huy cái trong nhờ đó nó phản ánh được tư tưởng và tình cảm của người Việt Nam ta, diễn tả sự trung thành và sáng tỏ những điều chúng ta muốn nói”. Đồng thời cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã đề ra ba khâu cần phải hết sức chú ý để giữ gìn “sự trong sáng của tiếng Việt”: *Một là giữ gìn và phát triển vốn chữ của tiếng ta. Hai là nói và viết phải đúng phép tắc của tiếng ta. Ba là gìn giữ bản sắc, tinh hoa, phong cách của tiếng ta trong mọi thể văn (văn nghệ, chính trị, khoa học, kỹ thuật...)* [4]. Ngày nay, trong trường phổ thông, học sinh cũng được dạy rằng khái niệm “sự trong sáng của tiếng Việt” được bộc lộ ở hệ thống các chuẩn mực và quy tắc chung, ở sự tuân thủ chuẩn mực và quy tắc đó. Nói cách khác, đó là chuẩn mực trong cách phát âm, cách viết, từ ngữ [14].

Như vậy, “sự trong sáng của tiếng Việt” chính là hệ thống các chuẩn hay còn gọi là chuẩn mực về phát âm, dùng từ, đặt câu và phong cách của tiếng ta mà người sử dụng cần phải tuân thủ để người nghe dễ tiếp nhận - dễ nghe/ dễ đọc, dễ hiểu và hiểu một cách chính xác, dễ nhớ...

## 2. Vậy “chuẩn” hay “chuẩn mực” của ngôn ngữ là gì?

Chúng tôi đã có dịp trình bày cặn kẽ quan điểm của mình về khái niệm “chuẩn” của ngôn ngữ (xem [11, 19 - 26]), ở đây chỉ xin nhắc lại một cách ngắn gọn như sau:

Theo quan điểm truyền thống, “chuẩn” của ngôn ngữ là một **thực thể** tồn tại khách quan trong mỗi thời kì, mỗi giai đoạn của ngôn ngữ, luôn luôn có nguy cơ bị phá vỡ để tạo ra cái chuẩn mới. Đồng thời có quan điểm cho rằng thậm chí có thể có nhiều chuẩn cùng tồn tại tạo nên tình trạng “lưỡng khả” trong cách sử dụng một đơn vị ngôn ngữ.

Theo quan điểm của chúng tôi ([11] và [12]), *chuẩn chỉ là sự đánh giá chủ quan (dựa trên một số tiêu chí (hay tiêu chuẩn) nhất định của cộng đồng người bản ngữ đối với một đơn vị ngôn ngữ nào đó và việc sử dụng đơn vị ngôn ngữ ấy: chỉ có một chuẩn mà thôi, còn các đơn vị ngôn ngữ cụ thể nếu đáp ứng được những tiêu chuẩn ấy trong hoàn cảnh giao tiếp nhất định thì được coi là “cái đạt chuẩn”*. Chuẩn có tính lịch sử. Chuẩn này được hiện thực hóa thành *mẫu*. Người sử dụng ngôn ngữ dựa theo mẫu này để cấu tạo và sử dụng đơn vị ngôn ngữ cho phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp cụ thể của mình. Do đó “chuẩn” của một đơn vị ngôn ngữ nói chung chính là một bộ tiêu chuẩn quy định rõ ràng nó được cấu tạo và sử dụng như thế nào và khi nào trong các hoàn cảnh giao tiếp cụ thể.

Theo Hoàng Thị Châu: “Bây giờ sự *chuẩn hoá* nhằm vào đối tượng rộng rãi: nói và viết sao cho nhân dân dễ hiểu nhất, chính xác nhất, đáp ứng được

mọi yêu cầu của khoa học và kĩ thuật. Do đó, việc chuẩn hoá mở rộng: nó chấp nhận sự tiếp thu những yếu tố tích cực của ngôn ngữ quần chúng của các phương ngữ, và cả những cách diễn đạt của nước ngoài phù hợp với yêu cầu của cách mạng khoa học và kĩ thuật” [3, 49 - 50].

### 3. Vấn đề chọn giọng chuẩn hay chuẩn phát âm trên Đài phát thanh và Truyền hình

3.1. Cũng như các ngôn ngữ khác nói chung, tiếng Việt luôn luôn tồn tại dưới dạng những phương ngữ. Theo quan điểm được đa số các nhà nghiên cứu chấp nhận thì tiếng Việt được chia ra thành ba phương ngữ lớn: Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ, được nhân dân gọi là giọng Bắc, giọng Trung và giọng Nam.

Đặc điểm hệ thống ngữ âm từng phương ngữ của tiếng Việt đã được Hoàng Thị Châu miêu tả khá cụ thể trong công trình [3]. Chính đặc điểm hệ thống ngữ âm của từng phương ngữ này đã gây nên những cách phát âm không thống nhất cần được chuẩn hóa đối với tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ quốc gia. Chẳng hạn, có thể nêu những trường hợp phát âm không thống nhất chủ yếu giữa các địa phương như sau:

#### a) Về phụ âm

- Cách phát âm không có sự phân biệt các phụ âm đầu được ghi bằng các con chữ: *tr-ch*, *r-d-gi*, *s-x* trong các âm tiết của phương ngữ Bắc Bộ so với hai phương ngữ còn lại, chẳng hạn: *trâu - châu*, *ra - da - gia*, *sâu - xâu...*;

- Cách phát âm không có sự phân biệt các phụ âm đầu được ghi bằng các con chữ: *v* và *d*, *gi* trong các âm tiết của phương ngữ Nam Bộ so với hai phương ngữ còn lại, thí dụ: *vẻ, vô...* trong phương ngữ Bắc Bộ và Trung Bộ được phát âm thành *dzẻ, dzỏ...* trong phương ngữ Nam Bộ;

- Cách phát âm không có sự phân biệt các phụ âm cuối được ghi bằng các con chữ: *n / ng* và *t / c* trong âm tiết phương ngữ Nam Bộ so với hai phương ngữ còn lại, thí dụ: *buôn buốt* trong phương ngữ Bắc Bộ và Trung Bộ được phát âm thành *buông buốc* (trong phương ngữ Nam Bộ).

#### b) Về nguyên âm

Cách phát âm một số nguyên âm đôi thành nguyên âm đơn, hoặc kéo dài một nguyên âm, thí dụ: */uo/* phát âm thành */iê/* (chẳng hạn, *ruou* được phát âm thành *riêu*, *hrou* được phát âm thành *hiêu*), */iê/* phát âm thành */ê/* (chẳng hạn, *nhiều* được phát âm thành *nhều*); */e/* phát âm thành */ee/*, */o/* thành */oo/* (chẳng hạn, *em* được phát âm thành *eem*, *học* được phát âm thành *hoọc*); */i/* phát âm thành */a/* (chẳng hạn, *chính* được phát âm thành *chánh*)...

#### c) Về thanh điệu

Một số thanh điệu bị phát âm lẫn lộn trong phương ngữ Trung Bộ và Nam Bộ so với phương ngữ Bắc Bộ, thí dụ: thanh *ngã* (trong phương ngữ Bắc Bộ)

bị phát âm thành thanh *hỏi* trong phương ngữ Trung Bộ và Nam Bộ (thí dụ: *định sẵn* được phát âm thành *định sẵn*...); hay thanh *sắc* bị phát âm thành thanh *hỏi* ở phương ngữ Trung Bộ (chẳng hạn, *thúng* được phát âm thành *thúng*),...

3.2. Hiện nay, trên các phương tiện truyền thông đại chúng và trong giao tiếp hành chính cũng như hoạt động giao tiếp trong nhà trường có thể nhận thấy cách phát âm như sau:

- Trên Đài tiếng nói Việt Nam, Đài truyền hình Việt Nam cũng như đài phát thanh - truyền hình ở các địa phương, các phát thanh viên chỉ cố gắng phát âm phân biệt rõ ràng để không có sự lẫn lộn giữa *n* và *l* (nếu không sẽ bị coi là nói ngọng), còn lại nhìn chung vẫn sử dụng cách phát âm hay giọng nói địa phương tự nhiên vốn có như: không phân biệt *tr-ch*, *r-d-gi*, *s-x*; sử dụng cả ba giọng nói Bắc, Trung và Nam.

- Trong nhà trường, việc phát âm chuẩn phân biệt *tr-ch*, *r-d-gi*, *s-x*, hay chuẩn các vần, thanh điệu... chỉ diễn ra khi đọc để cho học sinh viết đúng chính tả. Ngoài hoàn cảnh đó ra, chính các giáo viên trong khi giao tiếp cũng thường không tự ý thức về cách phát âm các âm này đúng chuẩn như trên chữ viết.

- Trong giao tiếp hành chính, các nhân viên công vụ và nhân dân vẫn sử dụng cách phát âm và giọng nói quen thuộc của địa phương mình.

3.3. Vậy, vấn đề chuẩn phát âm hay chính âm của tiếng Việt cần phải được xử lý, giải quyết như thế nào? Cần chọn giọng nào hay âm của phương ngữ nào để coi là chính âm của tiếng Việt hiện nay nói chung, tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ quốc gia nói riêng?

Hiện thời vẫn chưa có một quy định chung nào về âm chuẩn hay chính âm của tiếng Việt. Vấn đề nên chọn giọng nào làm giọng chuẩn, tức xác định chính âm tiếng Việt, hiện có những quan điểm như sau:

- Quan điểm thứ nhất, Hồng Giao cho rằng nên lấy cách phát âm tiếng miền Bắc làm cơ sở và chọn cách phát âm của tiếng Hà Nội làm chuẩn mực [7, 61-82].

- Quan điểm thứ hai, Hoàng Phê chủ trương nên lấy cách phát âm tiếng miền Bắc làm cơ sở và chọn cách phát âm của tiếng Hà Nội làm tiêu biểu, có bổ sung thêm những yếu tố ngữ âm tích cực của các địa phương khác [5, 529, 784, 785, 791, 824, 842...].

- Theo quan điểm thứ ba, Hoàng Tuệ có ý ủng hộ việc chọn cách phát âm của "phương ngữ Vinh (lấy địa phương Vinh làm tiêu biểu và bao gồm cả miền Nam Thanh Hóa và miền Bắc Hà Tĩnh)" làm chuẩn ngữ âm của tiếng Việt vì đây là phương ngữ có cách phát âm điển hình về chuẩn mực, "có đủ các âm cuốn lưỡi ấy (tức các phụ âm đầu được ghi bằng các con chữ *tr*, *s*, *gi* - NDT), và có cả sự đối lập *z / j*, tức là sự khác nhau giữa (d) và (gi), cũng đủ cả sáu thanh điệu (...)" [6, 93].

- Quan điểm thứ tư, N.D. Andréep chủ trương nên chọn các yếu tố phát âm trội để có được một siêu phương ngữ. Chẳng hạn, có năm nguyên tắc xác định chuẩn phát âm, gồm: 1) Dễ hiểu; 2) Càng ít chữ đồng âm càng tốt; 3) Tiên bộ; 4) Theo tiếng thủ đô; 5) Kết hợp cả ba nhân tố là tiếng thủ đô, tiếng địa phương, chữ viết [2].

- Quan điểm thứ năm, Nguyễn Lân lại muốn chọn theo nguyên tắc tự nhiên: Cách phát âm của tiếng địa phương nào mà rõ ràng, phân biệt được các âm và thanh điệu thì coi là âm chuẩn (còn nếu không đạt được như vậy thì phải theo âm chuẩn) [13].

Theo quan điểm của chúng tôi, để giải quyết vấn đề này cần xuất phát từ lý thuyết ngôn ngữ học xã hội và thực tế cảnh huống ngôn ngữ ở Việt Nam hiện nay.

Trong Ngôn ngữ học xã hội (chẳng hạn, [1]; [15]; [16]; [17]), các nhà nghiên cứu sử dụng thuật ngữ *đa thể ngữ* để chỉ hai hoặc trên hai ngôn ngữ có chức năng khác nhau được sử dụng tương đối ổn định và lâu dài trong một cộng đồng xã hội và các chức năng đó được xã hội công nhận. Tùy thuộc chức năng của mỗi ngôn ngữ, các ngôn ngữ có thể được chia ra thành ngôn ngữ cao / biến thể cao (High, kí hiệu: H) và ngôn ngữ thấp / biến thể thấp (Low, kí hiệu: L). Biến thể cao (H) được sử dụng trong hoàn cảnh giao tiếp mang tính nghi thức (hay quy thức) như trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong giáo dục, ngoại giao, khoa học, v.v...; Biến thể thấp (L) được sử dụng trong hoàn cảnh giao tiếp không chính thức (hay phi quy thức) có tính chất riêng tư như trong phạm vi gia đình, bạn bè, v.v...

Như kết quả nghiên cứu của chúng tôi về cảnh huống ngôn ngữ ở Việt Nam hiện nay [10] đã chỉ ra, Việt Nam là quốc gia đa ngữ và cũng là quốc gia đa thể ngữ, trong đó tiếng Việt là ngôn ngữ quốc gia, là phương tiện giao tiếp giữa tất cả các dân tộc cùng chung sống trên lãnh thổ Việt Nam, còn các ngôn ngữ dân tộc thiểu số là tiếng mẹ đẻ có vai trò là phương tiện giao tiếp trong nội bộ một tộc người và phạm vi gia đình... Như vậy, theo lý thuyết ngôn ngữ học xã hội, trong mối quan hệ giữa tiếng Việt với các ngôn ngữ dân tộc thiểu số thì tiếng Việt là ngôn ngữ cao / biến thể cao (H), còn các ngôn ngữ dân tộc thiểu số là ngôn ngữ thấp / biến thể thấp (L).

Tuy nhiên, trên thực tế, chỉ trong phạm vi tiếng Việt cũng có hiện tượng đa thể ngữ. Cụ thể là: tiếng Việt với tư cách là biến thể thực hiện chức năng ngôn ngữ quốc gia sẽ là biến thể cao. Còn tiếng Việt với tư cách là các phương ngữ thực hiện chức năng giao tiếp trong phạm vi gia đình và địa phương ở mỗi vùng miền là biến thể thấp. Do đó cần có cách chọn chính âm hay chuẩn ngữ âm khác nhau cho mỗi loại biến thể này của tiếng Việt.

Chúng tôi đề nghị, nếu đã quan niệm *chuẩn chỉ là sự đánh giá chủ quan (dựa trên một số tiêu chí/ tiêu chuẩn nhất định) của cộng đồng người bản ngữ đối với việc sử dụng ngôn ngữ* thì giọng nói tự nhiên (hay cách phát âm tự nhiên) của cộng đồng ngôn ngữ được coi là tiêu biểu cho mỗi phương ngữ (Bắc Bộ,

Trung Bộ hay Nam Bộ) có thể và cần được coi chính là chuẩn phát âm của tiếng Việt ở vùng miền sử dụng phương ngữ ấy. Vấn đề chuẩn chính âm của tiếng Việt với tư cách là biến thể thấp (hay phương ngữ) được giải quyết như vậy cũng rất phù hợp với thái độ ngôn ngữ hay tình cảm của mỗi người đối với giọng nói thân thương của tiếng mẹ đẻ của mình. Chính vì lẽ đó tục ngữ Việt Nam đã có câu răn dạy không được nhại hay "pha tiếng" nói theo giọng địa phương của người khác - *chửi cha không bằng pha tiếng!*

Vấn đề chọn chuẩn ngữ âm hay chính âm cho tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ cao - biến thể cao hay ngôn ngữ quốc gia, thì phức tạp hơn nhiều. Trong trường hợp này, chúng tôi ủng hộ quan điểm coi tiếng Việt với tư cách ngôn ngữ quốc gia là một *siêu phương ngữ*. Tuy nhiên, quan điểm của chúng tôi có sự khác biệt so với quan điểm của các tác giả đi trước (như Hồng Giao hay Hoàng Phê chẳng hạn) ở chỗ: Chúng tôi quan niệm tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ cao - biến thể cao hay ngôn ngữ quốc gia được hình thành dựa trên cơ sở phương ngữ Bắc Bộ với cách phát âm của *tiếng thủ đô* là chuẩn mực, và "có bổ sung thêm những yếu tố ngữ âm tích cực của các địa phương khác" (theo Hoàng Phê [5] và Hoàng Thị Châu [3]), chẳng hạn, bổ sung thêm các cặp phụ âm phân biệt nhau được ghi bằng các con chữ: *tr-ch, s-x, r-d-gi* và "tiếp thu cả những cách diễn đạt của nước ngoài phù hợp với yêu cầu của cách mạng khoa học và kỹ thuật" (Hoàng Thị Châu) [3, 49-50]. Như vậy **chuẩn ngữ âm hay chính âm của tiếng Việt với tư cách ngôn ngữ quốc gia sẽ trùng với âm được ghi theo chuẩn chính tả của chữ quốc ngữ.**

Ở đây, chúng tôi xin lưu ý rằng chọn chuẩn mực là cách phát âm của *tiếng thủ đô*, chứ không phải *tiếng Hà Nội* nói chung (như ý kiến của Hồng Giao và Hoàng Phê đã dẫn trên đây). Chúng tôi đã phân biệt các khái niệm *tiếng thủ đô* và *tiếng Hà Nội* như sau: *tiếng Hà Nội* bao gồm không chỉ biến thể ngôn ngữ chuẩn mực của tiếng Việt văn học, mà nó còn có cả những biến thể không chuẩn mực - *các thổ ngữ*. Chẳng hạn, thổ ngữ Đông Anh, thổ ngữ Cổ Nhuế (Từ Liêm), thổ ngữ Sơn Tây... Khái niệm *tiếng thủ đô*, theo quan niệm của chúng tôi, có ngoại diên hẹp hơn, nó chỉ là biến thể chuẩn mực của tiếng Việt thường được sử dụng ở vùng nội thành của Hà Nội, đặc biệt là trong các cơ quan, công sở của Nhà nước, trên báo chí của Hà Nội và của Trung ương (xem thêm quan niệm của chúng tôi về *tiếng thủ đô* trong [9]).

Do vậy, chúng tôi thấy rằng, trên Đài tiếng nói Việt Nam hay Đài Truyền hình Việt Nam nên có sự phân định đối với hai trường hợp:

*Một là*, đối với các chương trình phát sóng chính, cần phải sử dụng tiếng Việt với tư cách ngôn ngữ quốc gia. Chẳng hạn, khi phát đi các văn kiện của Nhà nước, các phát ngôn ngoại giao, công bố các đạo luật và các văn kiện pháp luật khác, hoặc thông báo chính thức của Nhà nước đối với toàn thể quốc dân,... thì cần dùng giọng đọc/ nói chuẩn - đó là cách phát âm *siêu phương ngữ* (như chúng tôi đã nói trên) của tiếng Việt, nghĩa là cách phát âm theo âm được ghi theo chuẩn chính tả của chữ quốc ngữ.

Hai là, đối với những chương trình khác như văn hóa, thể thao, giải trí... thì có thể sử dụng giọng đọc/ nói chuẩn của cả ba miền: giọng Bắc (lấy giọng Hà Nội làm chuẩn), giọng Trung (lấy giọng Vinh làm chuẩn) và giọng Nam (lấy giọng Thành phố Hồ Chí Minh làm chuẩn).

Còn trên đài phát thanh - truyền hình địa phương thì có thể sử dụng giọng đọc/ nói theo cách phát âm chuẩn của vùng miền mà địa phương đó thuộc vào.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C. Baker (2008), *Những cơ sở của giáo dục song ngữ và vấn đề song ngữ*, Nxb ĐHQG, Tp Hồ Chí Minh, (Đình Lư Giang dịch).
2. N.D. Andrêép (1956), *Vấn đề bình thường hóa* (đúng ra là *chuẩn hóa* - NĐT) *cách phát âm tiếng Việt Nam*, T/c Nghiên cứu Văn - Sử - Địa, Số 18.
3. Hoàng Thị Châu (1989), *Tiếng Việt trên các miền đất nước* (Phương ngữ học), Nxb KHXH, Hà Nội.
4. Phạm Văn Đồng (1966), *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt*, Bài phát biểu tại Hội nghị "Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt", Hà Nội.
5. Hoàng Phê (2007), *Hoàng Phê Tuyển tập*, Nxb KHXH, Hà Nội.
6. Hoàng Tuệ (1962), *Giáo trình về Việt ngữ: Sơ thảo*, Tập 1: *Ngữ pháp học*, Nxb GD, Hà Nội.
7. Hồng Giao (1957), *Vài ý kiến về tiếng Việt hiện thời*, Tập san Nghiên cứu Văn Sử Địa, Số 26.
8. Nguyễn Đức Tồn (2003), *Cần phân biệt hai bình diện nhận thức và bản thể trong nghiên cứu ngôn ngữ học*, T/c Ngôn ngữ, Số 11.
9. Nguyễn Đức Tồn (2008), *Về các khái niệm: "tiếng Hà Nội", "tiếng thủ đô" trong mối quan hệ với những khái niệm có liên quan ("ngôn ngữ toàn dân", "ngôn ngữ dân tộc", "ngôn ngữ văn học", "phương ngữ", "phương ngữ đô thị", "phương ngữ nông thôn")*, T/c Ngôn ngữ, Số 5.
10. Nguyễn Đức Tồn, *Chinh sách ngôn ngữ của Nhà nước CHXHCN Việt Nam trong thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế: Thực trạng, các kiến nghị và giải pháp* (Đề tài cấp Bộ 2009 - 2010).
11. Nguyễn Đức Tồn (2013), *Quan điểm mới về chuẩn ngôn ngữ và chuẩn hoá thuật ngữ*, T/c Ngôn ngữ, Số 1.
12. Nguyễn Đức Tồn (2014), *Vấn đề chuẩn hóa ngữ âm của tiếng Việt hiện nay*, T/c Ngôn ngữ, Số 3.
13. Nguyễn Lân (1956), *Thư ngỏ gửi Giáo sư Liên Xô N.D. Andrêép về vấn đề thống nhất cách phát âm tiếng Việt Nam*, Tập san Nghiên cứu Văn Sử Địa, Số 9.
14. Soạn bài giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. 31.07.2015 - Category: Văn mẫu lớp 12 - Author: sangnm//TAILIEUVAN.COM
15. C. Ferguson (1959), *Diglossia*, Word 15.
16. J. A. Fishman (1972), *The Sociology of Language*. Rowley: Newbury House.
17. A. Д. Швейцер (1976), *Современная социолингвистика*, Наука, М.